

## **Công ty Cổ phần Thế Giới Số**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 34

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Chủ tịch
Ông Đoàn Hồng Việt	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

### BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Hoàng Thông	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 611504429/22630988/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 20 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.209.206.256.963</b>	<b>2.862.004.487.463</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>1.024.843.356.321</b>	<b>878.056.239.562</b>
111	1. Tiền		319.984.157.694	192.146.607.779
112	2. Các khoản tương đương tiền		704.859.198.627	685.909.631.783
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.187.501.705.492</b>	<b>1.131.244.267.296</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.153.215.702.288	1.100.012.071.824
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	23.277.596.881	28.835.311.811
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	8.400.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	46.920.475.943	46.708.953.281
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 5.2, 6	(44.312.069.620)	(44.312.069.620)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>975.014.019.616</b>	<b>827.371.174.363</b>
141	1. Hàng tồn kho		991.066.735.668	843.423.890.415
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(16.052.716.052)	(16.052.716.052)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>21.847.175.534</b>	<b>25.332.806.242</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	8.316.711.994	6.828.093.551
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.530.463.540	18.504.712.691
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>215.579.759.684</b>	<b>206.742.641.967</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>12.083.896.500</b>	<b>8.828.160.500</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	12.083.896.500	8.828.160.500
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>85.491.334.677</b>	<b>88.270.746.955</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	24.804.191.511	27.277.105.604
222	Nguyên giá		54.543.010.492	54.543.010.492
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(29.738.818.981)	(27.265.904.888)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	60.687.143.166	60.993.641.351
228	Nguyên giá		64.410.569.080	64.410.569.080
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.723.425.914)	(3.416.927.729)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>67.195.624.256</b>	<b>59.904.055.269</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12	66.588.124.256	59.296.555.269
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		607.500.000	607.500.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>50.808.904.251</b>	<b>49.739.679.243</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	4.919.925.601	4.683.879.703
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	33.912.597.208	33.912.597.208
268	3. Tài sản dài hạn khác		8.524.701.615	7.403.882.519
269	4. Lợi thế thương mại	13	3.451.679.827	3.739.319.813
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.424.786.016.647</b>	<b>3.068.747.129.430</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.030.734.639.299</b>	<b>1.910.160.835.664</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.026.026.009.872</b>	<b>1.905.552.206.237</b>
311	1. Phải trả ngắn hạn người bán	14.1	855.967.382.239	941.370.272.564
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	80.651.955.759	66.763.186.039
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	30.454.364.621	30.392.029.532
314	4. Phải trả người lao động		17.618.944.508	17.982.755.040
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	422.428.918.220	204.069.655.175
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		24.810.000	17.020.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	6.861.541.522	15.356.213.679
320	8. Vay ngắn hạn	18	612.018.093.003	629.601.074.208
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.708.629.427</b>	<b>4.608.629.427</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	4.708.629.427	4.608.629.427
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.394.051.377.348</b>	<b>1.158.586.293.766</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.394.051.377.348</b>	<b>1.158.586.293.766</b>
411	1. Vốn cổ phần	19.1	443.517.470.000	431.517.470.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		443.517.470.000	431.517.470.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	61.233.761.416	61.233.761.416
415	3. Cổ phiếu quỹ	19.1	(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	893.308.641.384	670.148.634.480
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		670.148.634.480	402.976.863.051
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		223.160.006.904	267.171.771.429
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.864.441.714	1.559.365.036
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.424.786.016.647</b>	<b>3.068.747.129.430</b>



Trần Quý Tâm  
Người lập



Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng



Đào Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2021



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.1	9.409.357.724.235	4.913.223.309.791
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(185.019.606.226)	(20.531.960.149)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.1	9.224.338.118.009	4.892.691.349.642
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	21, 25	(8.600.187.861.390)	(4.583.884.026.291)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		624.150.256.619	308.807.323.351
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	63.801.636.562	41.927.459.056
22	7. Chi phí tài chính	23	(11.976.015.071)	(22.096.737.439)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(11.446.888.553)	(18.271.879.328)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết		(2.587.431.013)	1.838.377.727
25	9. Chi phí bán hàng	22, 25	(345.397.003.327)	(175.153.009.991)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22, 25	(45.581.287.217)	(37.862.712.027)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		282.410.156.553	117.460.700.677
31	12. Thu nhập khác	24	323.022.557	546.817.228
32	13. Chi phí khác	24	(962.132.477)	(690.842.548)
40	14. Lỗ khác	24	(639.109.920)	(144.025.320)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		281.771.046.633	117.316.675.357
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(58.305.963.051)	(24.196.110.473)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		223.465.083.582	93.120.564.884
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		223.160.006.904	93.403.540.610
62	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		305.076.678	(282.975.726)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	5.160	2.205
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28		2.205

*Trần Quế Tâm*

Trần Quế Tâm  
Người lập

*Vũ Thị Mai Hàn*

Vũ Thị Mai Hàn  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

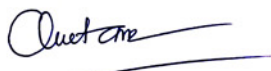
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>281.771.046.633</b>	<b>117.316.675.357</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	10, 11, 13	3.067.052.264	2.837.232.342
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(7.252.735.329)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.969.596.605)	(59.958.750)
06	Chi phí lãi vay	23	11.446.888.553	18.271.879.328
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>286.315.390.845</b>	<b>131.113.092.948</b>
09	Tăng các khoản phải thu (Tăng) giảm hàng tồn kho		(52.258.026.401)	(97.573.885.793)
10	Tăng (giảm) các khoản phải trả		(147.642.845.253)	432.834.399.986
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		138.156.784.840	(193.894.951.813)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(2.845.483.437)	1.756.567.789
14	Tiền lãi vay đã trả		(11.446.888.553)	(18.898.040.002)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(53.567.292.380)	(30.822.841.392)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>156.711.639.661</b>	<b>224.514.341.723</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(4.136.025.358)
23	Tiền chi cho vay		(8.400.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		-	350.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.879.000.000)	(6.189.333.271)
27	Lãi tiền gửi và trái phiếu		13.937.458.303	59.958.750
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(4.341.541.697)</b>	<b>(9.915.399.879)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Phát hành cổ phiếu	19.1	12.000.000.000	12.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	18	2.050.352.735.156	1.979.941.822.495
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(2.067.935.716.361)	(2.071.132.050.871)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(5.582.981.205)</b>	<b>(79.190.228.376)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		146.787.116.759	135.408.713.468
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		878.056.239.562	131.057.291.125
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	1.024.843.356.321	266.466.004.593



Trần Quế Tâm  
Người lập



Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 483 (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 440).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, cấu trúc của Nhóm Công ty như sau:

Công ty	Đầu tư	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	
					Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Công ty con</b>						
(1) Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	Trực tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	100	100
(2) Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử	Đang hoạt động	100	100
(3) Công ty TNHH CSV Healthcare	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán thực phẩm chăm sóc sức khỏe	Trước hoạt động	80	80
(4) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	90,15	90,15
(5) Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina	Gián tiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	51	51

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	3 - 6 năm
Tài sản khác	2 - 15 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua, Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất giữa niên độ thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động. Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ này và kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

**3.19 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	345.659.403	216.369.436
Tiền gửi ngân hàng	319.621.053.287	191.917.055.417
Các khoản tương đương tiền (*)	704.859.198.627	685.909.631.783
Tiền đang chuyển	<u>17.445.004</u>	<u>13.182.926</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.024.843.356.321</u></b>	<b><u>878.056.239.562</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp được quản lý bởi ngân hàng thương mại có thời hạn cam kết thanh toán từ ngân hàng dưới hai (2) tháng và hưởng lãi suất từ 4,42%/năm đến 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	304.895.534.061	401.891.123.965
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	180.803.689.974	70.779.847.273
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phong Vũ	52.920.314.315	47.558.337.986
Khác	614.596.163.938	579.782.762.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.153.215.702.288</b>	<b>1.100.012.071.824</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.294.113.387)	(10.294.113.387)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.142.921.588.901</b>	<b>1.089.717.958.437</b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 18, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần các khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
HP PPS Singapore (Sales) Pte. Ltd.	5.862.604.981	-
Công Ty TNHH Công nghệ HUAWEI Việt Nam	-	20.053.834.614
Khác	17.414.991.990	8.781.477.197
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.277.596.881</b>	<b>28.835.311.811</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(158.040.552)	(158.040.552)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>23.119.556.329</b>	<b>28.677.271.259</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>46.920.475.943</b>	<b>46.708.953.281</b>
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd	32.874.099.492	32.874.099.492
Tạm ứng cho nhân viên	3.869.609.489	1.976.537.268
Đặt cọc, ký quỹ	688.340.696	902.929.124
Khác	9.488.426.266	10.955.387.397
<b>Dài hạn</b>	<b>12.083.896.500</b>	<b>8.828.160.500</b>
Đặt cọc, ký quỹ	12.083.896.500	8.828.160.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>59.004.372.443</b>	<b>55.537.113.781</b>
Dự phòng phải thu khác	(33.859.915.681)	(33.859.915.681)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>25.144.456.762</b>	<b>21.677.198.100</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Hàng hóa	969.655.206.591	522.864.387.021
Hàng mua đang đi đường	10.165.794.050	312.753.076.591
Hàng gửi đi bán	9.734.598.679	7.495.657.337
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.511.136.348	310.769.466
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>991.066.735.668</b>	<b>843.423.890.415</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.052.716.052)	(16.052.716.052)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>975.014.019.616</b>	<b>827.371.174.363</b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 18, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho với tổng giá trị là 505.000.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.316.711.994</b>	<b>6.828.093.551</b>
Chi phí hoạt động	5.848.123.540	4.825.858.729
Chi phí thuê	1.927.449.939	1.866.127.811
Công cụ, dụng cụ đang dùng	541.138.515	136.107.011
<b>Dài hạn</b>	<b>4.919.925.601</b>	<b>4.683.879.703</b>
Chi phí hoạt động	4.452.280.100	4.027.133.794
Công cụ, dụng cụ đang dùng	467.645.501	656.745.909
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.236.637.595</b>	<b>11.511.973.254</b>

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	8.400.000.000	-

Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Đối tượng cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/ năm	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	8.400.000.000	Ngày 23 tháng 7 năm 2021	10,95	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

					VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020					
và ngày 30 tháng 6 năm 2021	22.510.497.438	5.113.542.867	23.742.557.554	3.176.412.633	54.543.010.492
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	2.192.344.525	4.051.398.859	2.816.075.338	9.059.818.722
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(10.128.016.631)	(3.598.470.870)	(10.680.671.095)	(2.858.746.292)	(27.265.904.888)
Khấu hao trong kỳ	(471.046.439)	(316.007.301)	(1.638.505.650)	(47.354.703)	(2.472.914.093)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(10.599.063.070)	(3.914.478.171)	(12.319.176.745)	(2.906.100.995)	(29.738.818.981)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	12.382.480.807	1.515.071.997	13.061.886.459	317.666.341	27.277.105.604
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	11.911.434.368	1.199.064.696	11.423.380.809	270.311.638	24.804.191.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>58.925.624.022</u>	<u>5.484.945.058</u>	<u>64.410.569.080</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.804.707.698	1.804.707.698
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	(3.416.927.729)	(3.416.927.729)
Hao mòn trong kỳ	-	(306.498.185)	(306.498.185)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	<u>(3.723.425.914)</u>	<u>(3.723.425.914)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>58.925.624.022</u>	<u>2.068.017.329</u>	<u>60.993.641.351</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>58.925.624.022</u>	<u>1.761.519.144</u>	<u>60.687.143.166</u>

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Vietmoney ("Vietmoney")	Cung cấp giải pháp tài chính	21,86	21,86	21,86	21,86
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X")	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	49,1	25	49,1	25
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín ("Đại Tín")	Phân phối dược phẩm, thiết bị y tế	36,01	36,01	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

Chi tiết tăng giảm khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

	Giá trị đầu tư vào			VND
	Vietmoney	Đại Tín	B2X	Tổng cộng
<b>Giá gốc khoản đầu tư:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	50.715.598.727	-	2.945.750.000	53.661.348.727
Tăng trong kỳ	-	9.879.000.000	-	9.879.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	50.715.598.727	9.879.000.000	2.945.750.000	63.540.348.727
<b>Phần lãi lũy kế sau khi mua công ty liên kết:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(212.799.813)	-	5.848.006.355	5.635.206.542
Phần (lỗ) lãi từ các công ty liên kết trong năm	(1.383.692.423)	(2.250.935.189)	1.047.196.599	(2.587.431.013)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(1.596.492.236)	(2.250.935.189)	6.895.202.954	3.047.775.529
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	50.502.798.914	-	8.793.756.355	59.296.555.269
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	49.119.106.491	7.628.064.811	9.840.952.954	66.588.124.256

**13. LỢI THÉ THƯƠNG MẠI**

	VND
	Giá trị
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	6.715.967.015
<b>Phân bổ lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(2.976.647.202)
Phân bổ trong kỳ	(287.639.986)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(3.264.287.188)
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.739.319.813
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	3.451.679.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty TNHH Apple Việt Nam	316.570.870.402	-
Xiaomi H.K Limited	291.435.011.125	452.091.351.184
Asus Global Pte. Ltd.	116.937.750.741	138.154.229.907
Acer Incorporated	29.784.289.287	58.190.843.732
Khác	101.239.460.684	292.933.847.741
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>855.967.382.239</u></b>	<b><u>941.370.272.564</u></b>

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Xiaomi H.K Limited	65.693.751.535	23.870.462.135
AMD International Sales & Service, Ltd.	4.280.549.792	-
Công ty TNHH Công Nghệ Elfdigi Việt Nam	-	36.841.693.390
Khác	10.677.654.432	6.051.030.514
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>80.651.955.759</u></b>	<b><u>66.763.186.039</u></b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.424.656.303	58.305.963.051	(53.567.292.380)	30.163.326.974
Thuế thu nhập cá nhân	211.454.238	2.855.805.751	(2.776.222.342)	291.037.647
Thuế giá trị gia tăng	4.755.918.991	4.055.666.029	(8.811.585.020)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>30.392.029.532</u></b>	<b><u>65.217.434.831</u></b>	<b><u>(65.155.099.742)</u></b>	<b><u>30.454.364.621</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	416.961.304.852	195.050.121.403
Chi phí hoạt động	4.253.015.655	8.297.351.882
Lãi vay	1.214.597.713	722.181.890
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>422.428.918.220</u></b>	<b><u>204.069.655.175</u></b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.861.541.522</b>	<b>15.356.213.679</b>
Chi trả hộ	3.453.415.950	12.109.912.108
Phải trả Bảo hiểm Xã hội	1.631.053.821	1.497.733.112
Khác	1.777.071.751	1.748.568.459
<b>Dài hạn</b>	<b>4.708.629.427</b>	<b>4.608.629.427</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	4.708.629.427	4.608.629.427
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.570.170.949</u></b>	<b><u>19.964.843.106</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Vay ngân hàng	<u>629.601.074.208</u>	<u>2.050.352.735.156</u>	<u>(2.067.935.716.361)</u>	<u>612.018.093.003</u>

Nhóm Công ty vay các khoản vay này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	187.071.470.000	Từ ngày 27 tháng 9 năm 2021 đến ngày 28 tháng 9 năm 2021	4	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn	156.364.772.819	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2021 đến ngày 12 tháng 7 năm 2021	4,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 100 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 120 tỷ VND
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	130.498.112.180	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 đến ngày 28 tháng 7 năm 2021	5	Tin chấp
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	73.850.338.892	Từ ngày 2 tháng 8 năm 2021 đến 13 tháng 9 năm 2021	3,5 – 3,6	Tài sản cá nhân của một số cổ đông; một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá 6 triệu USD
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	<u>64.233.399.112</u>	Từ ngày 27 tháng 7 năm 2021 đến ngày 2 tháng 8 năm 2021	4,26	Một phần hàng tồn kho trị giá 147 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 74 tỷ VND
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>612.018.093.003</u></b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
VND						
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	419.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	446.440.381.762	921.318.676.012
Phát hành cổ phiếu (ESOP)	12.000.000.000	-	-	-	-	12.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	93.403.540.610	93.403.540.610
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>431.517.470.000</u>	<u>61.233.761.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>539.843.922.372</u>	<u>1.026.722.216.622</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	431.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	670.148.634.480	1.157.026.928.730
Phát hành cổ phiếu (ESOP) (*)	12.000.000.000	-	-	-	-	12.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	223.160.006.904	223.160.006.904
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>443.517.470.000</u>	<u>61.233.761.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>893.308.641.384</u>	<u>1.392.186.935.634</u>

(\*) Vào ngày 25 tháng 5 năm 2021, Công ty đã phát hành 1.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 12.000.000.000 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 4 năm 2021 và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 11/2021/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 4 năm 2021. Vào ngày 7 tháng 7 năm 2021, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 24 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 443.517.470.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	431.517.470.000	419.517.470.000
Phát hành cổ phiếu (ESOP)	12.000.000.000	12.000.000.000
Số cuối kỳ	<u>443.517.470.000</u>	<u>431.517.470.000</u>

**19.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ phiếu đã được duyệt	44.351.747	43.151.747
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	44.351.747	43.151.747
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	44.351.747	43.151.747
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	44.200.278	43.000.278
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	44.200.278	43.000.278

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>9.409.357.724.235</b>	<b>4.913.223.309.791</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	9.303.009.012.310	4.850.669.883.605
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	106.348.711.925	62.553.426.186
<b>Các khoản trừ doanh thu:</b>	<b>(185.019.606.226)</b>	<b>(20.531.960.149)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(162.084.467.075)	(19.692.495.640)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(22.935.139.151)	(839.464.509)
<b>DOANH THU THUẬN</b>	<b><u>9.224.338.118.009</u></b>	<b><u>4.892.691.349.642</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	9.117.989.406.084	4.830.137.923.456
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	106.348.711.925	62.553.426.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU (tiếp theo)**

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chiết khấu thanh toán	29.421.156.220	20.471.733.919
Lãi chênh lệch tỷ giá	21.664.300.752	21.220.548.391
Lãi tiền gửi và trái phiếu	12.557.027.618	59.958.750
Khác	159.151.972	175.217.996
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>63.801.636.562</u></b>	<b><u>41.927.459.056</u></b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.518.471.708.143	4.527.223.179.377
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	81.716.153.247	56.660.846.914
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.600.187.861.390</u></b>	<b><u>4.583.884.026.291</u></b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>345.397.003.327</b>	<b>175.153.009.991</b>
Chi phí hỗ trợ bán hàng	269.761.315.541	113.125.909.585
Chi phí nhân viên	31.031.602.699	25.432.001.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.020.142.050	18.843.296.005
Chi phí vận chuyển	20.516.727.446	10.484.224.589
Khác	12.067.215.591	7.267.578.066
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>45.581.287.217</b>	<b>37.862.712.027</b>
Chi phí nhân viên	25.515.072.337	20.727.251.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.956.209.661	8.049.684.080
Khác	14.110.005.219	9.085.776.873
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>390.978.290.544</u></b>	<b><u>213.015.722.018</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	11.446.888.553	18.271.879.328
Lỗ chênh lệch tỷ giá	147.704.452	3.761.118.142
Khác	381.422.066	63.739.969
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.976.015.071</u></b>	<b><u>22.096.737.439</u></b>

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Thu nhập khác	323.022.557	546.817.228
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	311.053.534	400.396.818
Khác	11.969.023	146.420.410
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>(962.132.477)</u></b>	<b><u>(690.842.548)</u></b>
<b>LỖ KHÁC THUẬN</b>	<b><u>(639.109.920)</u></b>	<b><u>(144.025.320)</u></b>

**25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá mua hàng hóa	8.600.170.682.325	4.583.884.026.291
Chi phí hỗ trợ bán hàng	269.761.315.541	113.125.909.585
Chi phí nhân viên	56.546.675.036	46.159.252.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.215.078.132	26.892.980.085
Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) (Thuyết minh số 10, 11, 13)	3.067.052.264	2.837.232.342
Khác	22.407.976.818	13.516.122.597
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.991.168.780.116</u></b>	<b><u>4.796.899.748.309</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>58.305.963.051</u>	<u>24.196.110.473</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<u><b>281.771.046.633</b></u>	<u><b>117.316.675.357</b></u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	56.354.209.327	23.463.335.071
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ của các công ty con	1.672.123.995	585.853.689
Chi phí không được trừ	326.291.333	234.244.006
Lỗ (lãi) từ công ty liên kết	517.486.203	(367.675.545)
Phân bổ lợi thế thương mại	57.527.997	57.527.997
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết	-	222.825.255
Lỗ chuyển sang năm sau	<u>(621.675.804)</u>	<u>-</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<u><b>58.305.963.051</b></u>	<u><b>24.196.110.473</b></u>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Sau đây là các tài sản thuế thu nhập hoãn lại được Nhóm Công ty ghi nhận và biến động trong đó, trong năm hiện tại và các năm trước:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
	VND			
Chi phí phải trả Dự phòng hàng tồn kho	30.702.053.998	30.702.053.998	-	-
	<u>3.210.543.210</u>	<u>3.210.543.210</u>	-	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b><u>33.912.597.208</u></b>	<b><u>33.912.597.208</u></b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<u>-</u>	<u>-</u>

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết	Cho vay	8.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	-	1.114.126.275
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Bên liên quan	Thu hồi cho vay	-	350.000.000
		Mua dịch vụ	-	112.861.000
		Lãi cho vay	-	8.400.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết	Cho vay	<u>8.400.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lương và thưởng	<u>1.257.156.156</u>	<u>1.385.792.990</u>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	223.160.006.904	93.403.540.610
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>43.245.582</u>	<u>42.367.311</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	<u>5.160</u>	<u>2.205</u>

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ này và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

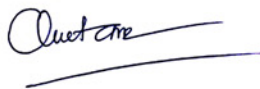
Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dưới 1 năm	16.977.063.242	15.793.727.999
Từ 1 đến 5 năm	36.581.557.508	30.693.710.453
Trên 5 năm	17.277.552.913	14.086.800.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>70.836.173.663</b>	<b>60.574.238.452</b>

**30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 4 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 28/2021/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 8 năm 2021 công bố trả cổ tức bằng tiền theo tỷ lệ 10% (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu nhận 1.000 VND) và phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 1:1 để tăng vốn cổ phần (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các sự kiện trên vẫn chưa hoàn tất.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Trần Quế Tâm  
Người lập



Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

